

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**

**CHƯƠNG TRÌNH**  
**ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG TỪ TRUNG CẤP LÊN ĐẠI HỌC**

**NGÀNH: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

*Bình Định, tháng 8 năm 2016*

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** **Liên thông từ Trung cấp lên Đại học**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:                      ngày      tháng 8 năm 2016*  
*của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)*

Tên chương trình    : **Chương trình liên thông từ trung cấp lên đại học**  
Trình độ đào tạo    : **Đại học**  
Ngành đào tạo        : **Quản lý nhà nước (610)**  
Hình thức đào tạo    : **Vừa làm vừa học**

### **1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

#### **1.1. Mục tiêu chung:**

Đào tạo cử nhân Quản lý nhà nước cơ bản đạt chuẩn nghề nghiệp theo các quy định hiện hành.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

##### **1.2.1. Kiến thức:**

- Trang bị cho người học kiến thức cơ bản, hiện đại về nền hành chính nhà nước, nội dung và cách thức, phương pháp quản lý nhà nước; nội dung quản lý nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; những vấn đề cơ bản về thực tiễn kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại... trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế.

- Trang bị cho người học kỹ thuật và khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề đặt ra trong tổ chức và hoạt động của nền hành chính, công vụ các cấp, đặc biệt là chính quyền địa phương.

- Trang bị cho người học kiến thức nền tảng tạo khả năng phát triển kiến thức mới để tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn trong chuyên ngành được đào tạo.

### **1.2.2. Kỹ năng**

- Trang bị cho người học kỹ năng vận dụng tốt những kiến thức đã học vào việc nghiên cứu, lý giải các vấn đề của thực tiễn xã hội, hoàn thành tốt nhiệm vụ của công chức, viên chức công tác trong lĩnh vực quản lý nhà nước và hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay.

- Trang bị cho người học kỹ năng làm việc và năng lực dẫn dắt chuyên môn, làm việc theo nhóm, phối hợp và chủ trì, xử lý những vấn đề liên quan đến tổ chức và hoạt động của nền hành chính nhà nước.

### **1.2.3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Trang bị cho người học năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình làm việc; có khả năng tự định hướng, thích nghi với công việc được giao ở các môi trường làm việc khác nhau của nền hành chính nhà nước và hệ thống chính trị;

- Trang bị cho người học năng lực tự học tập, tích lũy, cập nhật kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

- Trang bị cho người học khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề nghiệp vụ cơ bản của nền hành chính, công cụ quản lý nhà nước, và một số vấn đề về kỹ thuật tổ chức, điều hành công sở, văn phòng;

- Trang bị cho người học năng lực lập kế hoạch, điều phối, làm việc nhóm, đoàn kết, hợp tác, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động hành chính, công vụ.

## **2. CHUẨN ĐẦU RA**

### **2.1. Yêu cầu tối thiểu về kiến thức**

- Nắm vững kiến thức cơ bản, chuyên sâu và có hệ thống về nền hành chính nhà nước, nội dung và cách thức, phương pháp quản lý nhà nước; nội dung quản lý nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; những vấn đề cơ bản về thực tiễn kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại... của đất nước;

- Nắm vững lý thuyết và có khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề đặt ra trong tổ chức và hoạt động của nền hành chính, công vụ các cấp, đặc biệt là chính quyền địa phương.

- Có kiến thức cơ bản và khả năng vận dụng kiến thức các khoa học chính trị, khoa học xã hội và hành vi, nhân văn, lịch sử, địa lý, tâm lý...trong hoạt động nghề nghiệp;

- Hiểu và biết vận dụng kiến thức về phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu tự học, tự nghiên cứu

## **2.2. Yêu cầu tối thiểu về kỹ năng**

- Có khả năng lập luận khoa học, xác định đối tượng, giải quyết vấn đề trong hoạt động quản lý nhà nước;

- Có năng lực thực hành, kỹ năng xử lý tình huống trong nền hành chính, công vụ;

- Có kỹ năng tiếp cận, cập nhật thông tin phục vụ cho hoạt động nghiên cứu. Có khả năng tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội và hoạt động nghề nghiệp.;

- Có khả năng phối hợp với đồng nghiệp, làm việc nhóm, linh hoạt giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn quản lý nhà nước và hoạt động nghề nghiệp;

- Có khả năng giao tiếp, hội nhập, thích nghi với các điều kiện, môi trường làm việc, các mối quan hệ xã hội khác nhau.

## **2.3. Yêu cầu tối thiểu về thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp**

- Có nhận thức và thái độ ứng xử theo các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức xã hội và đạo đức nghề nghiệp;

- Trung thực, tận tụy, khiêm tốn, tự giác, cầu thị, cầu tiến, tôn trọng và tuân thủ kỷ luật trong hoạt động nghề nghiệp và trong quan hệ xã hội;

- Có ý thức và thể hiện trách nhiệm công dân đối với Tổ quốc, phục vụ nhân dân, cộng đồng; trách nhiệm của viên chức đối với cơ quan, đơn vị; trách nhiệm cá nhân trong hoạt động nghề nghiệp và đối với xã hội.

## **2.4. Cơ hội và vị trí việc làm**

- Công chức, viên chức làm việc trong hệ thống chính quyền các cấp từ trung ương đến cơ sở;

- Công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước (ban, ngành, sở, phòng, trung tâm..), cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp các cấp;

- Công chức, viên chức làm việc trong hệ thống chính trị, các cơ quan Đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang;

### **3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO VÀ KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC**

#### **3.1. Thời gian đào tạo: 3 năm (6 học kỳ)**

Thời gian học: ngoài giờ hành chính (các ngày cuối tuần)

#### **3.2. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 110 tín chỉ**

### **4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH**

Theo Quy chế tuyển sinh đại học hình thức đào tạo vừa làm vừa học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Quy Nhơn.

Cụ thể: người có bằng tốt nghiệp trung cấp các ngành: luật, quản lý nhà nước, quản lý xã hội, quản lý văn hóa, quản lý đất đai, công tác xã hội, văn thư lưu trữ, nghiệp vụ văn phòng, an ninh trật tự; người có bằng trung cấp lý luận Chính trị - Hành chính (do các trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp) và các ngành gần, phù hợp... đều được tham gia dự tuyển.

### **5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

#### **5.1. Quy trình đào tạo:** Đào tạo theo hệ thống tín chỉ

**5.2. Điều kiện tốt nghiệp:** Theo Quy chế đào tạo đại học hệ vừa làm vừa học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Quy Nhơn.

### **6. THANG ĐIỂM**

Theo Quy chế đào tạo đại học hệ vừa làm vừa học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Quy Nhơn.

## 7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

TT	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
				LT	BT	TL						
<b>I. Khối kiến thức cơ sở ngành 33 TC</b>												
1	Khoa học quản lý	I	2	30					60		GDCT	
2	Đại cương văn hóa Việt Nam	I	2	30					60		Lịch sử	
3	Chính trị học	I	2	30					60		GDCT	
4	Lịch sử văn minh thế giới	I	2	30					60		Lịch sử	
5	Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam	I	2	30					60		GDCT	
6	Kinh tế học	I	2	30					60		GDCT	
7	Lô gic học	I	2	30					60		GDCT	
8	Quan hệ quốc tế	I	2	30					60		GDCT	
9	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	I	2	30					60		GDCT	
10	Lý luận hành chính nhà nước	II	3	30		30			60		GDCT	
11	Lịch sử Hành chính nhà nước Việt Nam	II	2	30					60		GDCT	
12	Pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự	II	2	30					60		GDCT	
13	Pháp luật hình sự và tổ tụng hình sự	II	2	30					60		GDCT	
14	Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật	II	2	30					60		GDCT	
15	Hiến pháp và các luật tổ chức bộ máy nhà nước	II	2	30					60		GDCT	
16	Luật Hành chính và Tổ tụng hành chính	II	2	30					60		GDCT	
<b>II. Khối kiến thức chuyên ngành 70 TC</b>												
<i>II.1. Lý luận chuyên ngành</i>												
17	Hành chính so sánh	III	2	30					60		GDCT	
18	Quản lý và phát triển tổ chức HCNN	II	3	30		30			90		GDCT	
19	Phân tích và hoạch định chính sách công	III	2	30					60		GDCT	
20	Đạo đức công vụ	III	2	30					60		GDCT	
21	Nhân sự hành chính nhà nước	III	3	30		30			60		GDCT	
22	Văn hóa giao tiếp hành chính	III	2	30					60		GDCT	
23	Tâm lý học trong quản lý	III	2	30					60		TLGD	
24	Nghiệp vụ văn phòng	III	2	30					60		GDCT	
25	Xây dựng và ban hành văn bản QLNN	III	2	30					60		GDCT	
26	QLNN về kinh tế	III	3	30		30			60		GDCT	
27	QLNN về tài chính công và công sản	IV	3	30		30			60		GDCT	
28	QLNN về xã hội	IV	2	30					60		GDCT	
29	QLNN về quốc phòng, an ninh	IV	2	30					60		GDCT	
30	QLNN về đô thị	IV	2	30					60		GDCT	
31	QLNN về nông nghiệp, nông thôn	IV	2	30					60		GDCT	
32	QLNN về đất đai, tài nguyên, môi trường	IV	2	30					90		GDCT	
33	QLNN về giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ	IV	2	30					60		GDCT	

34	QLNN về công tác tư pháp	IV	2	30				60		GDCT	
35	Quản lý nguồn nhân lực xã hội	IV	2	30				60		GDCT	
36	QLNN về dân tộc, tôn giáo	V	2	30				60		GDCT	
37	QLNN về đối ngoại	V	2	30				60		GDCT	
38	Phương pháp NCKH hành chính	V	2	30				60		GDCT	
39	Thông tin và ứng dụng tin học trong QLNN	V	2	20		20		60		GDCT	
40	Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong thời kỳ đổi mới	V	3	30		30		60		GDCT	
41	Cải cách hành chính – lý luận và thực tiễn	V	3	30		30		90		GDCT	
42	Thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo hành chính	V	3	30		30		60		GDCT	
43	Hoạch định Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội	V	3	30		30		60		GDCT	
<b>II.2. Kỹ năng nghề, thực tập, thực tế</b>											
44	Hệ thống kỹ năng hành chính - công vụ	V	2	20			20	60		GDCT	
45	Thực tế chuyên môn	III	1				30				
46	Thực tập tốt nghiệp	V	5				75	150		GDCT	
<b>III. Khóa luận tốt nghiệp - Học phần thay thế khóa luận TN (7 TC)</b>											
47	Khóa luận tốt nghiệp	V	7								
48	Học phần thay thế	V	7							GDCT	
	<i>Học phần bắt buộc</i>		3								
49	Xây dựng và hoàn thiện nền hành chính nhà nước Việt Nam hiện nay	V	3	30		30		90		GDCT	
	<i>Các học phần tự chọn 4/8</i>		4								
50	Quản lý nhà nước về giải quyết việc làm ở Việt Nam hiện nay	V	2	20		20		60		GDCT	
51	QLNN về các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay	V	2	20		20		60		GDCT	
52	QLNN về nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam hiện nay	V	2	20		20		60		GDCT	
53	QLNN về xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam hiện nay	V	2	20		20		60		GDCT	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>110</b>								

## 8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (dự kiến)

### Học kỳ 1:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
			LT	BT	TL						
1	Khoa học quản lý	2	30					60		GDCT	
2	Đại cương văn hóa Việt Nam	2	30					60		Lịch sử	
3	Chính trị học	2	30					60		GDCT	
4	Lịch sử văn minh thế giới	2	30					90		Lịch sử	
5	Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam	2	30					60		GDCT	
6	Kinh tế học	2	30					60		GDCT	
7	Lô gic học	2	30					60		GDCT	
8	Quan hệ quốc tế	2	30					60		GDCT	
9	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	2	30					60		GDCT	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>18</b>									

### Học kỳ 2:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
			LT	BT	TL						
1	Lý luận hành chính nhà nước	3	30		30			90		GDCT	
2	Lịch sử Hành chính nhà nước Việt Nam	2	30					60		GDCT	
3	Pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự	2	30					60		GDCT	
4	Pháp luật hình sự và tổ tụng hình sự	2	30					60		GDCT	
5	Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật	2	30					60		GDCT	
6	Hiến pháp và các luật tổ chức bộ máy nhà nước	2	30					60		GDCT	
7	Phân tích và hoạch định chính sách công	2	30					60		GDCT	
8	Quản lý và phát triển tổ chức HCNN	3	30		30			90		GDCT	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>18</b>									



### Học kỳ 3:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
			LT	BT	TL						
1	Hành chính so sánh	2	30				60	60		GDCT	
7	Luật Hành chính và Tổ tụng hành chính	2	30					60		GDCT	
2	Phân tích và hoạch định chính sách công	2	30				60	60		GDCT	
3	Đạo đức công vụ	2	30				60	60		GDCT	
5	Văn hóa giao tiếp hành chính	2	30				60	60		GDCT	
6	Tâm lý học trong quản lý	2	30				60	60		GDCT	
7	Nghiệp vụ văn phòng	2	30				60	60		GDCT	
8	Xây dựng và ban hành văn bản QLNN	2	30				60	60		GDCT	
9	QLNN về kinh tế	3	30		30		90	90		GDCT	
10	Thực tế chuyên môn	1				30		60		GDCT	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>20</b>									

### Học kỳ 4:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
			LT	BT	TL						
1	Nhân sự hành chính nhà nước	3	30		30			90		GDCT	
2	QLNN về tài chính công và công sản	3	30		30			90		GDCT	
3	QLNN về xã hội	2	30					60		GDCT	
4	QLNN về quốc phòng, an ninh	2	30					60		GDCT	
5	QLNN về đô thị	2	30					60		GDCT	
6	QLNN về nông nghiệp, nông thôn	2	30					60		GDCT	
7	QLNN về đất đai, tài nguyên, môi trường	2	30					60		GDCT	
8	QLNN về giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ	2	30					60		GDCT	
9	QLNN về công tác tư pháp	2	30					60		GDCT	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>20</b>									

## Học kỳ 5

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
			LT	BT	TL						
1	Quản lý nguồn nhân lực xã hội	2	30					60		GDCT	
2	QLNN về dân tộc, tôn giáo	2	30					60		GDCT	
3	QLNN về đối ngoại	2	30					60		GDCT	
4	Phương pháp NCKH hành chính	2	30					60		GDCT	
5	Thông tin và ứng dụng tin học trong QLNN	2	30					60		GDCT	
6	Cải cách hành chính – lý luận và thực tiễn	3	30		30			90		GDCT	
7	Thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo hành chính	3	30		30			90		GDCT	
8	Hoạch định Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội	3	30		30			90		GDCT	
<b>Tổng cộng</b>		<b>19</b>									

## Học kỳ 6:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
			LT	BT	TL						
1	Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong thời kỳ đổi mới	3	30		30			90		GDCT	
2	Thực tập tốt nghiệp	5				150		150		GDCT	
3	Khóa luận tốt nghiệp	7								GDCT	
4	Học phần thay thế	7								GDCT	
	<i>HP thay thế bắt buộc</i>	3									
5	Xây dựng và hoàn thiện nền hành chính nhà nước Việt Nam hiện nay	3	30		30			90		GDCT	
	<i>HP thay thế tự chọn (4/8)</i>	4									
6	Chuyên đề thay thế tự chọn 1	2	20		20			60		GDCT	
7	Chuyên đề thay thế tự chọn 2	2	20		20			60		GDCT	
<b>Tổng cộng</b>		<b>15</b>									

## **9. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN**

### **9.1. Lý luận chung về nhà nước và pháp luật**

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về:

- Một số vấn đề lý luận chung về nhà nước và pháp luật.
- Nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam và vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam
- Bản chất đặc điểm, vai trò và giá trị xã hội của pháp luật
- Hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và công tác xây dựng pháp luật
- Quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý
- Pháp chế xã hội chủ nghĩa, trật tự pháp luật, ý thức pháp luật và giáo dục pháp luật.

### **9.2. Lịch sử văn minh thế giới (2 TC)**

Môn học còn cung cấp các khái niệm cơ bản: Văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp, văn minh hậu công nghiệp, nhà nước chuyên chế, nhà nước dân chủ chủ nô, nền dân chủ tư sản, triết lý phương Đông, nhân văn dân chủ phương Tây, giao thoa văn hóa, tiếp biến văn minh, xa lộ thông tin, toàn cầu hóa. Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về những nền văn minh cổ xưa rực rỡ của loài người như: Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Hoa, Hy Lạp- La Mã. Đồng thời còn giúp người học có những hiểu biết sâu sắc về văn minh phương Tây cận- hiện đại, những thành tựu vượt bậc của văn minh loài người trong thời kỳ hiện đại.

### **9.3. Cơ sở văn hóa Việt Nam (2 TC)**

- Học phần nhằm cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản liên quan đến bộ môn văn hóa học như các khái niệm văn hóa, bản sắc, văn minh, văn hiến, văn vật.
- Làm rõ tiến trình văn hóa Việt Nam, nội dung đặc điểm của từng thời kỳ phát triển văn hóa.
- Nêu bật các thành tố cơ bản của văn hóa Việt Nam thể hiện trong văn hóa tổ chức đời sống tập thể và đời sống cá nhân. Qua đó, giúp người học hiểu rõ hơn về bản sắc văn hóa dân tộc, hiểu rõ hơn về quá trình tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội thông qua văn hóa ứng xử.

### **9.4. Khoa học quản lý (2 TC)**

Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở về khoa học quản lý. Nội dung môn học bao gồm: Quản lý tổ chức; Các lý thuyết quản lý; Vấn đề quyết định và thông tin trong quản lý; Đặc biệt là các chức năng quan trọng của khoa học quản lý như: Lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra trong hoạt động quản lý. Những kiến thức trên được cập nhật và hiện đại hóa, được truyền đạt bằng phương pháp tiên tiến và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, nghiên cứu và học tập. Môn học được các trường đại học trên thế giới quan tâm đầu tư nghiên cứu và phát triển. Nó cũng được ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực quản lý kinh tế - xã hội và mang lại hiệu quả quản lý cao.

### **9.5. Logic học (2 TC)**

- Những vấn đề của logic học truyền thống; lịch sử logic học;
- Những quy luật cơ bản và các hình thức của tư duy logic; Những nhiệm vụ, những nguyên tắc và những quy tắc cơ bản trong quá trình hình thành và phát triển, hoàn thiện hóa tri thức chân thực trong quá trình hoạt động thu nhận chân lý;
- Những phương thức hoạt động logic cơ bản trong “Chứng minh” và “Bác bỏ” giả thuyết.

### **9.6. Hiến pháp và Luật tổ chức bộ máy nhà nước (2 TC)**

- Tín chỉ 1: Những nội dung cơ bản của Hiến pháp về tổ chức nhà nước

Trong tín chỉ này sinh viên sẽ nghiên cứu những vấn đề: khái niệm về hiến pháp, lịch sử lập hiến Việt Nam và những nội dung cơ bản của Hiến pháp; Tổ chức nhà nước qua các Hiến pháp; Các nguyên tắc cơ bản và hệ thống nhà nước qua Hiến pháp 1992.

- Tín chỉ 2: Các Luật tổ chức các cơ quan nhà nước

Trong phần này sinh viên tìm hiểu các quy định của pháp luật hiện hành về các cơ quan trong bộ máy nhà nước, bao gồm Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

### **9.7. Luật hành chính và tài phán hành chính**

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về:

- Các quy phạm hành chính quy định chế độ pháp lý của các cơ quan hành chính nhà nước; địa vị pháp lý của tổ chức xã hội, của công dân, người nước ngoài; quy định về thủ tục hành chính, hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước; hoạt động kiểm soát hành chính nhà nước và các vấn đề khác có liên quan đến quản lý hành chính nhà nước để khi trở thành những công chức có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác.

- Trang bị cho người học những quy định về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể khác trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước, những biện pháp bảo đảm thực hiện các quyền và nghĩa vụ đó, tạo điều kiện cho các chủ thể tham gia một cách tích cực vào hoạt động quản lý hành chính nhà nước.

- Luật hành chính cũng quy định những hành vi nào là vi phạm hành chính, biện pháp xử lý, thủ tục xử lý những tổ chức và cá nhân vi phạm hành chính từ đó giúp họ có ý thức tôn trọng và thực hiện tốt những quy định luật hành chính với tư cách là một công dân hoặc công chức.

### **9.8. Pháp luật dân sự và tố tụng dân sự**

Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về:

- Luật dân sự là ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm các quy phạm pháp luật do Nhà nước Việt Nam ban hành và đảm bảo thực hiện, nhằm điều chỉnh quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân phát sinh giữa các cá nhân tổ chức trong đời sống dân sự.

- Luật tố tụng dân sự quy định về nguyên tắc, trình tự thủ tục khởi kiện, trình tự thủ tục để tòa án giải quyết các tranh chấp dân sự và các yêu cầu dân sự nhằm bảo vệ quyền dân sự cho các cá nhân tổ chức trong đời sống dân sự.

### **9.9. Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam (2 TC)**

Học phần này trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về môn học. Về tư tưởng ở Ấn Độ và Ả Rập, sinh viên hiểu được sự phát triển về tư tưởng thông qua những khái niệm gắn với tôn giáo như: đạo Bà la môn, đạo Hin đư, đạo Phật, đạo Jain, đạo Xích, đạo Hồi, đạo Do thái. Trên cơ sở này sinh viên có thể soi vào điều kiện kinh tế - xã hội của các quốc gia này để hiểu có thể tự giải thích được vì sao sự phát triển tư tưởng của những quốc gia trong khu vực này thường gắn liền với tôn giáo. Đây là sự độc đáo khi nghiên cứu về mặt tư tưởng phương Đông; Về tư tưởng trung Quốc, sinh viên thấy được tính liên tục về sự ra đời, kế thừa và phát triển của lịch sử tư tưởng Trung Quốc như Âm dương – ngũ hành, các giai đoạn của Nho giáo, đạo giáo cũng như các trào lưu tư tưởng mới; Riêng tư tưởng Việt Nam, sinh viên hiểu được sự truyền bá của những tư tưởng Phật giáo, Nho giáo, tư tưởng dân chủ tư sản, lý luận Mác – Lênin vào Việt Nam. Đây là cơ sở quan trọng để sinh viên có thể giải thích được vì sao dân tộc Việt Nam về mặt tư tưởng rất phong phú, đa dạng nhưng vẫn có được cốt cách con người Việt. Từ đó hiểu rõ hơn về những giá trị con người Việt Nam để biết cách giữ gìn, kế thừa và phát huy trong điều kiện mới.

### **9.10. Lý luận hành chính nhà nước (3 TC)**

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản sau:

- Giới thiệu một số vấn đề lý luận chung về quản lý hành chính nhà nước ;

- Trình bày các lý thuyết và mô hình hành chính nhà nước của các học giả ở một số nước điển hình trên giới.

- Nêu và phân tích các yếu tố cấu thành của nền hành chính nhà nước;
- Chức năng, hình thức và phương pháp hành chính nhà nước;
- Quyết định quản lý hành chính nhà nước;
- Các hình thức kiểm soát đối với nền hành chính nhà nước.

### **9.11. Lịch sử hành chính nhà nước Việt Nam (2 TC)**

Cung cấp những kiến thức cơ bản, khoa học về: Hành chính Việt Nam từ thời đại dựng nước của các Vua Hùng đến thế kỷ X; Hành chính nhà nước thời kỳ xây dựng và phát triển quốc gia phong kiến; Hành chính nhà nước từ Cách mạng tháng Tám đến nay.

### **9.12. Hành chính học so sánh (2 TC)**

Là một bộ phận của Hành chính học, Hành chính so sánh nghiên cứu các đặc điểm, môi trường phát triển và những bộ phận cấu thành của các nền hành chính khác nhau, nhằm tìm kiếm các quy luật vận động chung cũng như các điểm khác biệt giữa chúng. Kết quả nghiên cứu Hành chính so sánh tạo ra cơ hội đưa ra những khái quát chung về lý thuyết của khoa học quản lý nhà nước, đồng thời, cho phép rút ra các bài học kinh nghiệm có thể vận dụng vào thực tiễn hoạt động và xây dựng nền hành chính nhà nước của mỗi quốc gia. Từ đó, chúng ta có thể so sánh để phân tích, đánh giá, đúc rút được các yếu tố tiên bộ cần vận dụng vào thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý hành chính nhà nước của Việt Nam.

### **9.13. Hoạch định và phân tích chính sách công (2 TC)**

Hoạch định và phân tích chính sách công là học phần bắt buộc có mục đích trang bị cho sinh viên ngành QLNN những kiến thức cơ bản về chính sách công; cách thức hoạch định và phân tích chính sách công như căn cứ, yếu tố ảnh hưởng, nội dung, phương pháp, thiết lập các tiêu chí và tổ chức công tác... Học phần kết cấu thành 6 chương.

### **9.14. Quản lý và phát triển tổ chức hành chính nhà nước (3 TC)**

Học phần nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về : tổ chức, tổ chức hành chính nhà nước và các nguyên tắc của tổ chức hành chính nhà nước ; trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về tổ chức hành chính nhà nước ở cấp trung ương và địa phương ; những kiến thức cơ bản về thiết kế tổ chức các cơ quan hành chính nhà nước và vấn đề phát triển tổ chức hành chính nhà nước ; tổ chức quản lý và phát triển tổ chức hành chính nhà nước nhằm xây dựng nền hành chính nhà nước hiện đại

### **9.15. Tâm lý học trong quản lý nhà nước (2 TC)**

Nội dung chương trình bao gồm: những tri thức chung về khoa học quản lý, các yếu tố tâm lý con người trong công tác quản lý, những vấn đề tâm lý trong tập thể; những vấn đề cơ bản những đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong hoạt động quản lý; những đặc điểm tâm lý nhân cách của người lãnh đạo trong hoạt động quản lý, những khía cạnh tâm lý trong quản lý tập thể lao động, các phong cách quản lý, những đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo khi ra quyết định quản lý, đặc điểm nhân cách của người lãnh đạo ảnh hưởng đến quyết định quản lý của họ, uy tín của người lãnh đạo trong việc quản lý, những yếu tố hợp thành uy tín của người lãnh đạo, các phong cách giao tiếp, một số hình thức giao tiếp trong quản lý.

### **9.16. Đạo đức công vụ**

Cung cấp những vấn đề lý luận chung về đạo đức, đạo đức nghề nghiệp, công chức và thực thi công việc của nhà nước. Trên cơ sở đó học phần Đạo đức công vụ kết cấu thành 4 chương trong đó chương 1: Lý luận chung về đạo đức; chương 2: Đạo đức nghề nghiệp; Chương 3: Công chức và thực thi công việc của nhà nước; Chương 4 đạo đức thực thi công vụ của công chức.

### **9.17. Nhân sự hành chính nhà nước (3 TC)**

Nhân sự hành chính nhà nước mà cụ thể là đội ngũ cán bộ, công chức là nhân tố đóng vai trò quyết định chất lượng của hoạt động quản lý hành chính nhà nước. Do đó, quản lý nhân sự này sao cho hiệu quả là việc hết sức quan trọng. Môn học này mang lại cái nhìn tổng thể về người lao động làm việc cho cơ quan hành chính nhà nước, những yếu tố môi trường ảnh hưởng, quy trình hợp lý cũng như các chức năng cụ thể của quản lý nhân sự hành chính nhà nước. Từ đó, chúng ta có nhận thức đúng đắn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đội ngũ nhân sự này và có ý thức ủng hộ quá trình cải cách hành chính để xây dựng thành công đội ngũ cán bộ, công chức vừa hồng vừa chuyên để phục vụ nhân dân, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động quản lý hành chính nhà nước.

#### **9.18. Thông tin trong quản lý nhà nước (2 TC)**

Học phần gồm 04 chương, nội dung khái quát những vấn đề cơ bản nhất về lý luận và thực tiễn về thông tin trong quản lý nhà nước. Bao gồm: lý luận cơ bản về thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước; lý luận cơ bản về hệ thống thông tin trong quản lý nhà nước; quy trình tìm kiếm, khai thác, xử lý thông tin và ứng dụng tin học trong hoạt động quản lý nhà nước; một số phần mềm và công cụ tiện ích phục vụ cho hoạt động quản lý nhà nước.

#### **9.19. Xây dựng và ban hành văn bản quản lý nhà nước (2 TC)**

Xây dựng và soạn thảo văn bản quản lý nhà nước là học phần quan trọng đối với sinh viên ngành quản lý nhà nước nhằm giúp người học nắm những lý luận cơ bản về văn bản nói chung, văn bản quản lý nhà nước nói riêng; trang bị cho người học kỹ năng soạn thảo văn bản, đảm bảo nội dung và thể thức theo quy định hiện hành; đào tạo cho người học kỹ thuật ban hành văn bản quản lý nhà nước.

#### **9.20. Nghiệp vụ văn phòng (2 TC)**

Nghiệp vụ văn phòng là học phần bắt buộc đối với hệ cử nhân quản lý nhà nước, học phần gồm 03 chương. Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về văn phòng; Những khâu nghiệp vụ chủ yếu của công tác văn thư và những khâu nghiệp vụ chủ yếu của công tác lưu trữ.

#### **9.21. Văn hoá giao tiếp hành chính (2 TC)**

Văn hoá giao tiếp hành chính là học phần cung cấp cho người học các kiến thức, cơ bản về giao tiếp hành chính, từ đó góp phần hình thành và phát triển văn hoá hành chính trong cơ quan hành chính nhà nước.

Học phần còn rèn luyện cho người học những kỹ năng giao tiếp, từ đó đưa ra các giải pháp phát triển văn hoá công sở; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của nền hành chính nhà nước.

#### **9.22. Phương pháp nghiên cứu khoa học hành chính (2 TC)**

Phương pháp nghiên cứu khoa học hành chính là học phần cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng nhằm nghiên cứu khoa học hành chính và ứng dụng khoa học hành chính vào thực tiễn như: Lý thuyết khoa học hành chính; Lựa chọn và đặt tên đề tài khoa học hành chính; Xây dựng luận điểm khoa học hành chính; Chứng minh luận điểm khoa học hành chính; Cách thực hiện luận văn khoa học hành chính

#### **9.23. Quản lý nhà nước về văn hóa, xã hội (2 TC)**

Quản lý nhà nước về văn hóa, xã hội là một hoạt động có tính tất yếu, xuất phát từ vai trò của nó đối với sự phát triển và bối cảnh, thực trạng quản lý văn hóa, xã hội của nhà nước là một sự nghiệp lớn lao, phức tạp với nhiều biến động khi xã hội là một trong ba trụ cột chính của sự phát triển bền vững bên cạnh vấn đề kinh tế và môi trường. Trong thế giới hiện đại ngày nay, phát triển không chỉ là tăng trưởng kinh tế mà còn là xây dựng xã hội theo hướng công bằng, tiến bộ với trung tâm là phát triển con người, tiến tới chân, thiện, mỹ. Từ những kiến thức tổng thể về văn hóa, xã hội, các học thuyết quản lý văn hóa, xã hội trong lịch sử, những kiến thức quản lý nhà nước về văn hóa và các lĩnh vực xã hội quan trọng khác như giáo dục, y tế, an ninh quốc phòng, lao động, việc làm, khoa học, công

nghệ, tài nguyên và môi trường ... chúng ta có thể đúc rút được các yếu tố tiến bộ cần vận dụng, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý hành chính nhà nước và xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

#### **9.24. Quản lý nhà nước về kinh tế (3 TC)**

Học phần quản lý nhà nước về kinh tế là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của ngành QLNN. Học phần nhằm giúp người học hiểu quản lý nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế của đất nước hiện nay. Học phần kết cấu thành 4 chương, trong đó chương thứ nhất đi vào những lí luận chung quản lý nhà nước về kinh tế. Ba chương còn lại đi sâu vào phân tích quản lý nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế cụ thể.

#### **9.25. Quản lý nhà nước về tài chính công và công sản (3 TC)**

Học phần Quản lý nhà nước về tài chính công và công sản là một học phần bắt buộc của chuyên ngành QLNN. Học phần kết cấu thành 5 chương với các nội dung cơ bản: những lí luận cơ bản về tài chính công và quản lý nhà nước về tài chính công; những vấn đề chung về ngân sách nhà nước và quản lý nhà nước về ngân sách nhà nước; quản lý nhà nước về tín dụng nhà nước; quản lý nhà nước về các quỹ tài chính công ngoài ngân sách nhà nước; quản lý nhà nước về tài sản công.

#### **9.26. Quản lý nguồn nhân lực xã hội**

Nguồn nhân lực xã hội là yếu tố nguồn lực có vai trò quyết định đối với sự phát triển của bất kỳ quốc gia nào. Để duy trì, phân bổ và phát triển nguồn nhân lực xã hội sao cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội đòi hỏi mỗi nhà nước phải đề ra đường lối, chủ trương và hoạch định những chính sách phù hợp, toàn diện trên nhiều lĩnh vực có liên quan mật thiết đến nguồn nhân lực như dân số, giáo dục, y tế, lao động, việc làm, tiền lương, an sinh xã hội. Những kiến thức phổ quát nhất về nguồn nhân lực xã hội, đặc điểm, vai trò quan trọng và yêu cầu đặt ra đối với nguồn nhân lực xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; chủ trương, chế độ, chính sách quản lý nhà nước ... để xây dựng, phát triển nguồn nhân lực xã hội của đất nước được cung cấp đầy đủ trong môn học này.

#### **9.28. Quản lý nhà nước về đô thị (2 TC)**

Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề chung về đô thị: trong đó giải thích các thuật ngữ, khái niệm, vai trò quan trọng của đô thị đối với sự phát triển kinh tế - xã hội; trên cơ sở những vấn đề chung học phần đi sâu tìm hiểu thực trạng phát triển, quản lý đô thị nước ta hiện nay, phân tích các quan điểm chung về phát triển đô thị của Đảng và nhà nước ta, nghiên cứu sơ lược những chiến lược, kế hoạch phát triển cụ thể. Đồng thời, nội dung quản lý nhà nước về đô thị là kiến thức chủ yếu, trọng tâm với từng nội dung quản lý, phương thức quản lý cụ thể.

#### **9.29. Quản lý nhà nước về nông nghiệp và nông thôn (2 TC)**

Quản lý nhà nước về nông nghiệp và nông thôn là học phần có mục đích trang bị cho sinh viên ngành QLNN những kiến thức cơ bản nhất về nông nghiệp nông thôn Việt Nam và một số lĩnh vực chủ yếu của quản lý nhà nước đối với nông nghiệp, nông thôn ở nước ta hiện nay. Học phần có 5 chương, trong đó chương 1 và chương 2 nghiên cứu khái quát chung về nông nghiệp và phát triển nông thôn, định hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam; chương 3, 4 và chương 5 nghiên cứu một số lĩnh vực chủ yếu của quản lý nhà nước đối với nông nghiệp, nông thôn.

#### **9.30. Quản lý nhà nước về Giáo dục – Đào tạo, Khoa học – Công nghệ (2 TC)**

Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề chung về GD-ĐT, KH-CN: trong đó giải thích các thuật ngữ, khái niệm, vai trò quan trọng của từng lĩnh vực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội; trên cơ sở những vấn đề chung học phần đi sâu tìm hiểu thực trạng phát triển, quản lý GD-ĐT, KH-CN nước ta hiện nay, phân tích các quan điểm chung về phát triển GD-ĐT, KH-CN của Đảng và nhà nước ta, nghiên cứu sơ lược những chiến lược, kế

hoạch phát triển cụ thể. Đồng thời, nội dung quản lý nhà nước về GD-ĐT, KH-CN là kiến thức chủ yếu, trọng tâm với từng nội dung quản lý, phương thức quản lý cụ thể.

### **9.31. Quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên – môi trường (2 TC)**

Học phân tập trung nghiên cứu các vấn đề chung về đất đai, tài nguyên – môi trường: trong đó giải thích các thuật ngữ, khái niệm, vai trò quan trọng của từng lĩnh vực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội; trên cơ sở những vấn đề chung học phân đi sâu tìm hiểu thực trạng phát triển, quản lý đất đai, tài nguyên – môi trường nước ta hiện nay, phân tích các quan điểm chung về phát triển đất đai, tài nguyên – môi trường của Đảng và Nhà nước ta, nghiên cứu sơ lược những chiến lược, kế hoạch phát triển cụ thể. Đồng thời, nội dung quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên – môi trường là kiến thức chủ yếu, trọng tâm với từng nội dung quản lý, phương thức quản lý cụ thể.

### **9.32. Quản lý nhà nước về an ninh, quốc phòng (2 TC)**

Quản lý nhà nước về an ninh , quốc phòng là học phần bắt buộc đối với hệ cử nhân quản lý nhà nước, học phần gồm 04 chương, cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về an ninh quốc phòng ; quan điểm và đường lối của Đảng và Nhà nước về an ninh , quốc phòng; các nội dung quản lý nhà nước về an ninh quốc gia , trật tự an toàn xã hội và các nội dung quản lý nhà nước về quốc phòng.

### **9.33. Quản lý nhà nước về dân tộc, tôn giáo (2 TC)**

Quản lý nhà nước về dân tộc , tôn giáo là học phần bắt buộc đối với chương trình đào tạo ngành quản lý nhà nước, học phần gồm 04 chương, cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về dân tộc , tôn giáo; quan điểm và đường lối của Đảng và Nhà nước về dân tộc , tôn giáo; các nội dung quản lý nhà nước về dân tộc và các nội dung quản lý nhà nước về tôn giáo.

### **9.34. Quản lý nhà nước về tư pháp (2 TC)**

Quản lý nhà nước về tư pháp là học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về hành chính tư pháp , hệ thống các cơ quan quản lý hành chính tư pháp và các nội dung quản lý nhà nước về hành chính tư pháp như : Quản lý nhà nước về thi hành án ; quản lý nhà nước về công chứng, chứng thực; Quản lý nhà nước về giám định tư pháp ; Quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư; Quản lý nhà nước về công tác hòa giải ở cơ sở...

### **9.35. Cải cách hành chính - lý luận và thực tiễn (3 TC)**

Cải cách hành chính là học phần cung cấp cho người học những vấn đề tổng quan về cải cách hành chính nhà nước . Ngoài ra, học phần còn cung cấp các nội dung , nhiệm vụ chủ yếu của chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước c trong từng giai đoạn cụ thể; trang bị cho người học các kỹ năng , nghiệp vụ về cải cách hành chính như : Theo dõi, đánh giá thực hiện cải cách hành chính ; Xây dựng báo cáo cải cách hành chính ; Thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính; Khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức , cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước...

### **9.36. Hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (3 TC)**

Học phần bao gồm bốn chương đi sâu vào nghiên cứu những nội dung như: Tăng trưởng và phát triển kinh tế xã hội; Phân tích và dự báo; Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế xã hội; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020.

### **9.37. Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo (3 TC)**

Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo là học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về kiểm soát hành chính nói chung , thanh tra hành chính nói riêng. Dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và các phương pháp nghiên cứu cụ thể như phân tích, tổng hợp... Học phần còn giúp người học nắm các quy trình thực hiện giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

### **9.38. Hệ thống kỹ năng hành chính – công vụ (2 TC)**

Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trong nền công vụ là một trong những mục tiêu cơ bản trong chương trình Tổng thể cải cách hành chính ở Việt Nam.



Để góp phần đáp ứng những mục tiêu đó, học phần Hệ thống kỹ năng hành chính – công vụ nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức nghiệp vụ hành chính – công vụ của cán bộ, công chức khi thực thi công vụ. Học phần kết cấu thành 2 chương: Chương I: Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức hành chính nhà nước theo yêu cầu cải cách hành chính ở Việt Nam. Chương III: Những lí luận chung về kỹ năng hành chính-công vụ; Chương III: Hệ thống những kỹ năng cơ bản của cán bộ, công chức khi thực thi công vụ.

#### **9.39. Xây dựng và hoàn thiện nền hành chính nhà nước Việt Nam (3 TC)**

Xây dựng và hoàn thiện nền hành chính nhà nước Việt Nam là học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về nền hành chính nhà nước Việt Nam ; Tìm hiểu và phân tích thực trạng của việc xây dựng nền hành chính nhà nước Việt Nam trong thời gian qua, từ đó đưa ra các phương hướng và giải pháp xây dựng và hoàn thiện nền hành chính nhà nước Việt Nam trong thời gian tới. Học phần kết cấu thành 3 chương, chương I: Những vấn đề lí luận về nền hành chính nhà nước Việt Nam, chương II: Quá trình xây dựng nền hành chính nhà nước Việt Nam, chương III: Quan điểm và giải pháp xây dựng và hoàn thiện nền hành chính nhà nước Việt Nam.

#### **9.40. Quản lý nhà nước về giải quyết việc làm ở Việt Nam hiện nay (2 TC)**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, khoa học về: Quản lý nhà nước về giải quyết việc làm; Thực trạng quản lý nhà nước về giải quyết việc làm ở Việt Nam hiện nay; Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về giải quyết việc làm ở Việt Nam hiện nay.

#### **9.41. Quản lý nhà nước về các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam (2 TC)**

Học phần đi sâu vào 4 chương gồm những nội dung cơ bản sau: Khái quát các loại hình doanh nghiệp theo luật định ở Việt Nam; Nội dung quản lý nhà nước đối với các loại hình doanh nghiệp; Thực trạng quản lý nhà nước đối với các loại hình doanh nghiệp Việt Nam hiện nay; Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với các loại hình doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình hội nhập.

#### **9.42. Quản lý nhà nước về nguồn nhân lực chất lượng cao (2 TC)**

Trong xu thế CNH, HĐH hình thành nền kinh tế tri thức ở mọi quốc gia trên thế giới - trong đó có Việt Nam, nguồn nhân lực chất lượng cao ngày càng khẳng định được tầm quan trọng của mình. Để nguồn nhân lực chất lượng cao phát huy được hết vai trò quyết định đối với sự phát triển nhanh và bền vững của mỗi nền kinh tế - xã hội, hoạt động quản lý nhà nước về nguồn nhân lực chất lượng cao cần được đẩy mạnh. Những kiến thức phổ quát nhất về đặc điểm, vai trò, yêu cầu đặt ra đối với nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời kỳ CNH, HĐH; chủ trương, chế độ, chính sách của nhà nước, những gì đúc rút được từ thực tiễn quản lý nhà nước về xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao và từ kinh nghiệm của nhiều quốc gia trên thế giới để xây dựng thành công và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam được cung cấp đầy đủ trong môn học này.

#### **9.43. Quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam (2 TC)**

Căn cứ vào mục tiêu đào tạo của học phần: Quản lý Nhà nước về xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam hiện nay, nội dung của môn học được cấu trúc thành ba chương: Chương 1: Nông thôn mới và những vấn đề cơ bản về xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam; Chương 2: Quan điểm, mục tiêu và nội dung xây dựng nông thôn mới; Chương 3: Quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới.

## 10. DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
1.	Đặng Thị An	1977	Thạc sĩ	
2.	Nguyễn Tuấn Anh	1986	Thạc sĩ	
3.	Ngô Thị Nghĩa Bình	1976	Tiến sĩ	
4.	Nguyễn Khánh Bình	1990	Cử nhân	
5.	Lê Thị Dung	1988	Thạc sĩ	
6.	Đào Bích Hạnh	1986	Thạc sĩ	
7.	Vũ Thị Thúy Hằng	1977	Thạc sĩ	
8.	Lê Đức Hiền	1989	Thạc sĩ	
9.	Hoàng Vũ Quỳnh Hoa	1990	Thạc sĩ	
10.	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	1986	Thạc sĩ	
11.	Đoàn Thế Hùng	1973	PGS, TS	
12.	Nguyễn Trung Kiên	1977	Thạc sĩ	
13.	Võ Thị Diễm Lệ	1986	Thạc sĩ	
14.	Trần Lệ Loan	1990	Thạc sĩ	
15.	Nguyễn Thị Ngân Loan	1974	Tiến sĩ	
16.	Lê Văn Lợi	1962	Thạc sĩ	
17.	Bùi Thị Long	1978	Tiến sĩ	
18.	Trần Thị Hiền Lương	1990	Thạc sĩ	
19.	Cao Kỳ Nam	1986	Thạc sĩ	
20.	Trần Đình Nam	1983	Thạc sĩ	
21.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	1980	Thạc sĩ	
22.	Nguyễn Thị Nhàn	1986	Thạc sĩ	
23.	Hồ Thị Minh Phương	1980	Thạc sĩ	
24.	Hồ Xuân Quang	1972	Tiến sĩ	
25.	Mai Thị Thắm	1988	Thạc sĩ	
26.	Phan Thị Thành	1982	Thạc sĩ	
27.	Tăng Văn Thanh	1972	Thạc sĩ	
28.	Trịnh Thị Thắng	1986	Thạc sĩ	
29.	Nguyễn Thị Thanh Thảo	1990	Thạc sĩ	
30.	Ngô Thị Anh Thư	1977	Thạc sĩ	
31.	Nguyễn Thị Ngọc Thùy	1980	Tiến sĩ	
32.	Hoàng Phương Thủy	1967	Thạc sĩ	
33.	Nguyễn Thị Thu Thủy	1966	Thạc sĩ	
34.	Hoàng Thái Triển	1954	Tiến sĩ	
35.	Phạm Anh Tuấn	1979	Thạc sĩ	
36.	Châu Thị Vân	1980	Thạc sĩ	
37.	Nguyễn Đình Hiền	1962	PGS, TS	
38.	Võ Nguyên Du	1957	PGS, TS	
39.	Đỗ Ngọc Mỹ	1963	PGS, TS	
40.	Lê Kim Chung	1964	Tiến sĩ	
41.	Phan Thị Quốc Hương	1981	Tiến sĩ	
42.	Nguyễn Thị Vân Anh	1976	Tiến sĩ	
43.	Trần Quốc Tuấn	1961	Tiến sĩ	

44.	Trần Thiên Thành	1970	Tiến sĩ	
45.	Nguyễn Hữu Tiến	1962	Thạc sĩ	
46.	Lê Xuân Việt	1975	Tiến sĩ	

## 11. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP:

### 11.1. Thư viện, giảng đường

### 11.2. Giáo trình, tập bài giảng

#### 11.2.1. Giáo trình

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nơi xuất bản/phát hành	Năm xuất bản
1.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	Nxb Tp HCM	2010
2.	Chính trị học đại cương	Học viện CTQG HCM	Nxb Lý luận Chính trị	2014
3.	Kinh tế học	Học viện CTQG HCM	Nxb Lý luận Chính trị	2014
4.	Quan hệ quốc tế	Học viện CTQG HCM	Nxb Lý luận Chính trị	2014
5.	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	Học viện CTQG HCM	Nxb Lý luận Chính trị	2014
6.	Lý luận hành chính nhà nước	Học viện Hành chính	Nxb khoa học và kỹ thuật	2013
7.	Lịch sử hành chính nhà nước Việt Nam	Học viện Hành chính	Nxb khoa học và kỹ thuật	2010
8.	Quản lý và phát triển tổ chức HCNN	Học viện Hành chính	Nxb khoa học và kỹ thuật	2013
9.	Nhân sự hành chính nhà nước	Học viện Hành chính	Nxb khoa học và kỹ thuật	2013
10.	QLNN về kinh tế	Học viện Hành chính	Nxb khoa học và kỹ thuật	2013
11.	QLNN về quốc phòng, an ninh	Học viện Hành chính	Nxb khoa học và kỹ thuật	2013
12.	Đại cương khoa học quản lý	Học viện CTQG HCM	Nxb Lý luận Chính trị	2014

#### 11.2.2. Tập bài giảng

TT	Tên tập bài giảng	Tên tác giả/Bộ môn	Nơi xuất bản/phát hành	Năm xuất bản
1.	Hiến pháp và luật tổ chức BMNN	Pháp luật	Khoa GDCT&QLNN	2014
2.	Pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự	Pháp luật	Khoa GDCT&QLNN	2014
3.	Pháp luật hình sự và tổ tụng hình sự	Pháp luật	Khoa GDCT&QLNN	2014
4.	Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Pháp luật	Khoa GDCT&QLNN	2014
5.	Hiến pháp và các luật tổ chức bộ máy nhà nước	Pháp luật	Khoa GDCT&QLNN	2014

6.	Luật hành chính và tổ tụng hành chính	Pháp luật	Khoa GDCT&QLNN	2014
7.	Hành chính so sánh	Quản lý NN	Khoa GDCT&QLNN	2014
8.	Phân tích và hoạch định chính sách công	Quản lý NN	Khoa GDCT&QLNN	2014
9.	Lô gic học	Triết học	Khoa GDCT&QLNN	2014
10.	Đạo đức và đạo đức công vụ	Triết học	Khoa GDCT&QLNN	2014
11.	Văn hóa giao tiếp hành chính	Quản lý NN	Khoa GDCT&QLNN	2014
12.	Nghiệp vụ văn phòng	Quản lý NN	Khoa GDCT&QLNN	2014
13.	Xây dựng và ban hành văn bản QLNN	Quản lý NN	Khoa GDCT&QLNN	2014
14.	QLNN về tài chính công và công sản	Quản lý NN	Khoa GDCT&QLNN	2014
15.	QLNN về xã hội	Quản lý NN	Khoa GDCT&QLNN	2014
16.	QLNN về đô thị	Quản lý NN	Khoa GDCT&QLNN	2014
17.	QLNN về nông nghiệp, nông thôn	Quản lý NN	Khoa GDCT&QLNN	2014
18.	QLNN về đất đai, tài nguyên, môi trường	Quản lý NN	Khoa GDCT&QLNN	2014
19.	QLNN về giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ	Quản lý NN	Khoa GDCT&QLNN	2014
20.	QLNN về công tác tư pháp	Quản lý NN	Khoa GDCT&QLNN	2015
21.	Quản lý nguồn nhân lực xã hội	Quản lý NN	Khoa GDCT&QLNN	2014
22.	QLNN về dân tộc, tôn giáo	Quản lý NN	Khoa GDCT&QLNN	2014
23.	QLNN về đối ngoại	Quản lý NN	Khoa GDCT&QLNN	2014
24.	Phương pháp NCKH hành chính	Quản lý NN	Khoa GDCT&QLNN	2014
25.	Thông tin và ứng dụng tin học trong QLNN		Khoa CNTT	2014
26.	Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong thời kỳ đổi mới	Quản lý NN	Khoa GDCT&QLNN	2015
27.	Cải cách hành chính - lý luận và thực tiễn	Quản lý NN	Khoa GDCT&QLNN	2016
28.	Thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo hành chính	Quản lý NN	Khoa GDCT&QLNN	2016
29.	Hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội	Quản lý NN	Khoa GDCT&QLNN	2016

30.	Xây dựng và hoàn thiện nền hành chính nhà nước Việt Nam hiện nay	Quản lý NN	Khoa GDCT&QLNN	2016
31.	Quản lý nhà nước về giải quyết việc làm ở Việt Nam hiện nay	Quản lý NN	Khoa GDCT&QLNN	2016
32.	QLNN về các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay	Quản lý NN	Khoa GDCT&QLNN	2016
33.	QLNN về nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam hiện nay	Quản lý NN	Khoa GDCT&QLNN	2016
34.	QLNN về xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam hiện nay	Quản lý NN	Khoa GDCT&QLNN	2016

**TRƯỞNG KHOA**

**TP. ĐÀO TẠO BDTX**

*Bình Định, ngày tháng năm 2016*  
**HIỆU TRƯỞNG**